

Số: 135/2024/QĐST-HNGĐ

Cẩm Lệ, ngày 28 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN

VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ khoản 4 Điều 397, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 193/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 của người yêu cầu:

- Bà Hoàng Thị Ngọc A - Sinh năm: 1995. Địa chỉ: K đường T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

- Ông Lê Quang A1 - Sinh năm: 1993. Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Quang A1 và bà Hoàng Thị Ngọc A kết hôn vào năm 2022, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận kết hôn số 34 đăng ký ngày 21/6/2022. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông Lê Quang A1, bà Hoàng Thị Ngọc A chung sống tại địa chỉ: Số K B, tổ B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống đến tháng 4 năm 2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là: Vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế và ông A có tình cảm với người khác. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2024 cho đến nay.

Tại phiên hòa giải, ông Lê Quang A1 và bà Hoàng Thị Ngọc A đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể khắc phục, không thể tiếp tục chung sống với nhau, vợ chồng không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Lê

Quang A1 và bà **Hoàng Thị Ngọc A** là hoàn toàn tự nguyện, do đó cần căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn của ông **Lê Quang A1** và bà **Hoàng Thị Ngọc A**.

[2] *Về con chung*: Ông **Lê Quang A1** và bà **Hoàng Thị Ngọc A** xác nhận vợ chồng có 01 con chung và thống nhất thỏa thuận nuôi con như sau: Giao con chung **Lê Hoàng Quang T**, sinh ngày: 12/8/2023 cho bà **Hoàng Thị Ngọc A** trực tiếp nuôi dưỡng và ông **Lê Quang A1** phải cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 07/2024 và vào ngày 10 hàng tháng.

Kể từ ngày bà **Hoàng Thị Ngọc A** có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông **Lê Quang A1** không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như đã thỏa thuận thì ông **Lê Quang A1** phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

[3] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Ông **Lê Quang A1** và bà **Hoàng Thị Ngọc A** xác định vợ chồng không có.

[4] *Lệ phí yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình* là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) bà **Hoàng Thị Ngọc A** và ông **Lê Quang A1** mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà bà **Hoàng Thị Ngọc A** và ông **Lê Quang A1** đã nộp theo biên lai thu số 0001627 ngày 06/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[5] Việc thuận tình ly hôn của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 20 tháng 6 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông **Lê Quang A1** và bà **Hoàng Thị Ngọc A** thống nhất thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 34, đăng ký ngày 21/6/2022 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam)

- *Về con chung*: Ông **Lê Quang A1** và bà **Hoàng Thị Ngọc A** xác định có 01 con chung và thống nhất thỏa thuận nuôi con như sau: Giao con chung **Lê Hoàng Quang T**, sinh ngày: 12/8/2023 cho bà **Hoàng Thị Ngọc A** trực tiếp nuôi

dưỡng và ông **Lê Quang A1** phải cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 07/2024 và vào ngày 10 hàng tháng.

Kể từ ngày bà **Hoàng Thị Ngọc A** có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông **Lê Quang A1** không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như đã thoả thuận thì ông **Lê Quang A1** phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Các bên vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Ông **Lê Quang A1** và bà **Hoàng Thị Ngọc A** xác định vợ chồng không có.

Lệ phí yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) bà **Hoàng Thị Ngọc A** và ông **Lê Quang A1** mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà bà **Hoàng Thị Ngọc A** và ông **Lê Quang A1** đã nộp theo biên lai thu số 0001627 ngày 06/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- UBND xã Đại Minh;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ việc HNGĐ.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Thanh Tuyền

